

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MÊ LINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~2740~~ /UBND-GDDT

V/v thống nhất mức thu khác trong các cơ
sở giáo dục công lập thuộc huyện
năm học 2023-2024

Mê Linh, ngày 20 tháng 9 năm 2023

Kính gửi:

- Các phòng: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính - Kế hoạch, Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện;
- Trung tâm GDNN-GDTX huyện;
- Các trường: Mầm non, Tiểu học, THCS thuộc huyện.

Căn cứ Quyết định số 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về thu, sử dụng các khoản thu khác trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập của Thành phố Hà Nội (trừ các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao);

Căn cứ Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2023-2024;

Căn cứ Văn bản số 3198/SGDDĐT-KHTC ngày 31/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội về việc hướng dẫn tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2023-2024;

Căn cứ Văn bản số 2557/UBND-GDDT ngày 05/9/2023 của UBND huyện Mê Linh về việc hướng dẫn tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2023-2024.

Sau khi xem xét đề nghị của Liên phòng: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 758/TTrLN: GDDT - TCKH ngày 14/09/2023 về việc thống nhất mức thu khác của các trường công lập thuộc huyện năm học 2023-2024, UBND huyện Mê Linh chỉ đạo cụ thể như sau:

1. Thống danh mục và mức thu đối với các khoản thu khác trong các trường Mầm non, Tiểu học, THCS thuộc huyện và Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mê Linh năm học 2023-2024 theo quy định tại các Quyết định của UBND thành phố Hà Nội: số 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 về việc ban hành quy định về thu, sử dụng các khoản thu khác trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập của Thành phố Hà Nội (trừ các cơ sở giáo dục công lập chất



lượng cao); số 22/2013/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 về việc ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

(Chi tiết tại các Biểu số 01, số 02, số 03 đính kèm)

2. Đối với các chương trình liên kết: Tiếng anh, năng khiếu, kỹ năng sống...: Thực hiện theo Công văn số 6038/SGD-ĐT ngày 26/6/2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội; Nhiệm vụ năm học 2023-2024; theo đề án của chương trình liên kết; các chương trình đã được Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội phê duyệt cho phép triển khai trong nhà trường. Thực hiện nguyên tắc CMHS tự nguyện tham gia, công khai, minh bạch, dân chủ và có hiệu quả.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan:

3.1. Phòng Giáo dục và Đào tạo:

- Chủ trì phối hợp với phòng Tài chính Kế hoạch và các đơn vị liên quan định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra việc thực hiện thu, chi tại các cơ sở giáo dục trực thuộc huyện, kịp thời chấn chỉnh tình trạng lạm thu, thu trái với quy định; tham mưu, báo cáo UBND huyện xử lý nghiêm, kịp thời đối với Hiệu trưởng nhà trường thực hiện thu không đúng quy định.

- Phối hợp với Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện thực hiện công khai các khoản thu trên cổng thông tin điện tử của UBND huyện và trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân, cha mẹ học sinh biết, thực hiện.

3.2. Phòng Tài chính - Kế hoạch: Phối hợp với phòng Giáo dục và Đào tạo tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn công tác thu chi; thực hiện việc quyết toán kinh phí.

3.3. Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện: Thực hiện công khai các khoản thu trên cổng thông tin điện tử của UBND huyện và trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân, cha mẹ học sinh biết, thực hiện.

3.4. Kho bạc Nhà nước huyện Mê Linh: Thực hiện kiểm soát thu chi theo quy định.

3.5. Các trường mầm non, Tiểu học, THCS công lập thuộc huyện và Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mê Linh: Triển khai, tổ chức thực hiện đảm bảo đúng nguyên tắc, nội dung, đối tượng và mức thu đã được UBND huyện thống nhất tại văn bản này; Đồng thời tổ chức thu, thực hiện các khoản thu theo quy định hướng dẫn tại Quyết định 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013; Quyết định 22/2013/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội và các hướng dẫn theo quy định hiện hành khác. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, hiệu quả và tiết kiệm trong việc sử dụng nguồn thu. Hiệu trưởng Nhà trường chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cha mẹ học sinh nếu thực hiện thu các khoản không đúng quy định.



UBND huyện Mê Linh yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện./. 4

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TT Huyện Ủy ;
- Thường trực HĐND huyện;
- Đ/c Chủ tịch UBND huyện;
- Các đ/c PCT UBND huyện;
- Thanh tra huyện;
- CPVP;
- Lưu: VT, GDĐT. 76

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Khương



TỔNG HỢP DỰ CÁC KHOẢN THU THEO THỎA THUẬN KHỐI MẦM NON, NĂM HỌC 2023-2024

(Đính kèm Văn bản số: **2440**UBND-GDĐT ngày **20/9/2023** của UBND huyện Mê Linh)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Tên đơn vị	Các khoản thu năm học 2023-2024										Ghi chú
		Phục vụ bán trú						Học phẩm		Nước uống học sinh		
		Tiền ăn		Chăm sóc bán trú		Trang thiết bị						
		ĐVT	Mức thu	ĐVT	Mức thu	ĐVT	Mức thu	ĐVT	Mức thu	ĐVT	Mức thu	
1	Mầm non Chi Đông	Ngày/HS	19.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Tháng /HS	12.000	
2	Mầm non Chu Phan	Ngày/HS	18.000	Tháng/HS	150.000	Năm/HS: lớp 2 tuổi, 3; 4 tuổi	150.000	Năm/HS	150.000	Tháng/HS	12.000	
						Năm/HS khối lớp 5 tuổi	130.000					
3	Mầm non Đại Thịnh	Ngày/HS	20.000	Tháng/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Tháng/HS	12.000	
4	Mầm non Hoàng Kim		17.000	Tháng/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Năm/hs	150.000	Tháng/hs	12.000	
5	Mầm non Kim Hoa	Ngày/HS	20.000	Tháng/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Tháng /HS	12.000	
6	Mầm non Liên Mạc	Ngày/HS	18.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	140.000	Năm/HS	140.000	Tháng /HS	12.000	
7	Mầm non Mê Linh	Ngày/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Tháng /HS	12.000	
8	Mầm non Quang Minh A	Ngày/HS	19.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Tháng /HS	12.000	
9	Mầm non Quang Minh B	Ngày/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Tháng /HS	12.000	
10	Mầm non Tam Đồng	Ngày/HS	18.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Tháng /HS	12.000	
11	Mầm non Thạch Đà A	Ngày/HS	18.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Tháng /HS	12.000	
12	Mầm non Thạch Đà B	Ngày/HS	18.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Tháng /HS	12.000	
13	Mầm non Thanh Lâm A	Ngày/HS	18.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Tháng /HS	12.000	
14	Mầm non Thanh Lâm B	Ngày/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Tháng /HS	12.000	
15	Mầm non Tiên Phong A	Ngày/HS	18.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Tháng /HS	12.000	
16	Mầm non Tiên Phong B	Ngày/HS	18.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Tháng /HS	12.000	
17	Mầm non Tiến Thắng	Ngày/HS	18.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS: lớp 2 tuổi, 3; 4 tuổi	150.000	Năm/HS	150.000	Tháng /HS	12.000	
						Năm/HS khối lớp 5 tuổi	130.000					
18	Mầm non Tiến Thịnh	Ngày/HS	18.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Tháng /HS	12.000	
19	Mầm non Tráng Việt	Ngày/HS	18.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Tháng /HS	12.000	
20	Mầm non Tự Lập	Ngày/HS	18.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Tháng /HS	12.000	
21	Mầm non Văn Khê A	Ngày/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Tháng /HS	12.000	
22	Mầm non Văn Khê B	Ngày/HS	20.000	Tháng/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Tháng /HS	12.000	
23	Mầm non Vạn Yên	Ngày/HS	18.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	150.000	Năm/HS	150.000	Tháng /HS	12.000	



TỔNG HỢP CÁC KHOẢN THU THEO THỎA THUẬN KHỎI TIỂU HỌC NĂM HỌC 2023-2024

(Đính kèm Văn bản số: 240 UBND-GDDT ngày 06/9/2023 của UBND huyện Mê Linh)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Tên đơn vị	Các khoản thu năm học 2022-2023												Ghi chú
		Phục vụ bán trú						Nước uống học sinh		Học 2 buổi/ngày		Số Liên lạc điện tử: eNetviet: 15.000đ/hs/tháng		
		Tiền ăn		Chăm sóc bán trú		Trang thiết bị bán trú								
		ĐVT	Mức thu	ĐVT	Mức thu	ĐVT	Mức thu	ĐVT	Mức thu	ĐVT	Mức thu	ĐVT	Mức thu	
1	Tiểu học Chi Đông	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS		
2	Tiểu học Chu Phan	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	130.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS		
3	Tiểu học Đại Thịnh A	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS	15.000	
4	Tiểu học Đại Thịnh B	Suất ăn/HS		Tháng /HS		Năm/HS		Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS	15.000	
5	Tiểu học Hoàng Kim	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	130.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS		
6	Tiểu học Kim Hoa A	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS	15.000	
7	Tiểu học Kim Hoa B	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS	15.000	
8	Tiểu học Liên Mạc A	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS		
9	Tiểu học Liên Mạc B	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS		
10	Tiểu học Mê Linh	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS	15.000	
11	Tiểu học Quang Minh A	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	140.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS		
12	Tiểu học Quang Minh B	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	140.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS		
13	Tiểu học Tam Đồng	Suất ăn/HS		Tháng /HS		Năm/HS		Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS		
14	Tiểu học Thạch Đà A	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS		
15	Tiểu học Thạch Đà B	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS		
16	Tiểu học Thanh Lâm A	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS		
17	Tiểu học Thanh Lâm B	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS		
18	Tiểu học Tiền Phong A	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	130.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS		
19	Tiểu học Tiền Phong B	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	130.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS		
20	Tiểu học Tiến Thắng A	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	11.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS		
21	Tiểu học Tiến Thắng B	Suất ăn/HS	20,000	Tháng /HS	150,000	Năm/HS	100,000	Tháng /HS	11,000	Tháng /HS	100,000	Tháng /HS		
22	Tiểu học Tiến Thịnh	Suất ăn/HS	20 000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS		
23	Tiểu học Tráng Việt A	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng/HS	100.000	Tháng /HS	15.000	
24	Tiểu học Tráng Việt B	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS	15.000	
25	Tiểu học Tự Lập A	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS		
26	Tiểu học Tự Lập B	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS		
27	Tiểu học Văn Khê A	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS		
28	Tiểu học Văn Khê B	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS	15.000	
29	Tiểu học Vạn Yên	Suất ăn/HS	20.000	Tháng /HS	150.000	Năm/HS	100.000	Tháng /HS	12.000	Tháng /HS	100.000	Tháng /HS		

TỔNG HỢP CÁC KHOẢN THU THEO THỎA THUẬN KHỐI THCS NĂM HỌC 2023-2024

(Đính kèm Văn bản số: 2740 /UBND-GDĐT ngày 20/9/2023 của UBND huyện Mê Linh)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Tên đơn vị	Các khoản thu năm học 2023-2024												Ghi chú
		Phục vụ bán trú						Nước uống học sinh		Dạy thêm, học thêm		Số Liên lạc eNetviet		
		Tiền ăn		Chăm sóc bán trú		Trang thiết bị bán trú								
		ĐVT	Mức thu	ĐVT	Mức thu	ĐVT	Mức thu	ĐVT	Mức thu	ĐVT	Mức thu	ĐVT	Mức thu	
1	THCS Chi Đông							Tháng/HS	12.000	Tiết/HS	6.000	Tháng/HS	15.000	
2	THCS Chu Phan							Tháng/HS	10.000	Tiết/HS	7.000	Tháng/HS		
3	THCS Đại Thịnh							Tháng/HS	11.000	Tiết/HS	6.000	Tháng/HS	15.000	
4	THCS Hoàng Kim							Tháng/HS	12.000	Tiết/HS	7.000	Tháng/HS	15.000	
5	THCS Kim Hoa							Tháng/HS	12.000	Tiết/HS	6.000	Tháng/HS	15.000	
6	THCS Liên Mạc							Tháng/HS	11.000	Tiết/HS	6.000	Tháng/HS		
7	THCS Mê Linh							Tháng/HS	12.000	Tiết/HS	6.000	Tháng/HS	15.000	
8	THCS Quang Minh							Tháng/HS	12.000	Tiết/HS	6.000	Tháng/HS	15.000	
9	THCS Tam Đồng							Tháng/HS	11.000	Tiết/HS	7.000	Tháng/HS		
10	THCS Phạm Hồng Thái							Tháng/HS	12.000	Tiết/HS	6.000	Tháng/HS		
11	THCS Thanh Lâm A							Tháng/HS	12.000	Tiết/HS	7.000	Tháng/HS	15.000	
12	THCS Thanh Lâm B							Tháng/HS	12.000	Tiết/HS	6.000	Tháng/HS		
13	THCS Tiên Phong							Tháng/HS	11.000	Tiết/HS	7.000	Tháng/HS	15.000	
14	THCS Tiên Thắng							Tháng/HS	11.000	Tiết/HS	6.000	Tháng/HS		
15	THCS Tiên Thịnh							Tháng/HS	12.000	Tiết/HS	6.000	Tháng/HS		
16	THCS Tráng Việt							Tháng/HS	12.000	Tiết/HS	6.000	Tháng/HS	15.000	
17	THCS Trung Vương	Suất ăn/HS	25.000	Tháng/HS	80.000	Khối 6/Khóa	200.000	Tháng/HS	12.000	Tiết/HS	6.000	Tháng/HS	15.000	
18	THCS Tự Lập							Tháng/HS	12.000	Tiết/HS	6.000	Tháng/HS	15.000	
19	THCS Văn Khê							Tháng/HS	12.000	Tiết/HS	6.000	Tháng/HS		
20	THCS Vạn Yên							Tháng/HS	12.000	Tiết/HS	7.000	Tháng/HS		
21	Trung tâm GDNN-GDTX							Tháng/HS	12.000	Tiết/HS	7.000	Tháng/HS		